

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CAO SU ĐỒNG NAI

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CAO SU ĐỒNG NAI

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3116/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chấp thuận cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai); Quyết định 1875/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 29/06/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai, Quyết định số 1180/QĐ-CSVN ngày 19/11/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600986703 ngày 05/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/12/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thạnh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02/10/2024)
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02/10/2024)
Ông Hồ Văn Nhã	Thành viên	
Ông Nguyễn Chơn Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Hoàng Trọng Phước Khánh	Thành viên	
Ông Lê Cao Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Văn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Văn Nhã	Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Văn	Phó Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Lâm	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tháo	Trưởng ban kiểm soát viên chuyên trách
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên
Bà Huỳnh Trúc Nhi	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CAO SU ĐỒNG NAI

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hồ Văn Nhã

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty con - Công ty TNHH Dokracơ và cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được tính trung thực, hợp lý xét trên khía cạnh trọng yếu đối với các số liệu, thông tin tài chính phát sinh tại đơn vị này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.775.776.519	93.595.795.248
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.436.125.286	19.661.361.535
111	1. Tiền		26.436.125.286	19.661.361.535
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.343.990.941	54.527.172.771
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.384.718.576	22.446.458.322
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	963.965.047	211.157.199
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.315.183.051	32.189.432.983
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(319.875.733)	(319.875.733)
140	IV. Hàng tồn kho	9	30.199.150.767	14.149.621.423
141	1. Hàng tồn kho		30.199.150.767	14.149.621.423
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.796.509.525	2.257.639.519
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	7.566.562
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.760.740.701	1.271.238.950
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.035.768.824	978.834.007
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		659.634.564	851.118.718
220	II. Tài sản cố định		513.604.224	686.131.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	513.604.224	686.131.879
222	- Nguyên giá		9.800.650.267	9.797.781.317
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.287.046.043)	(9.111.649.438)
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	29.400.000	29.400.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.400.000	29.400.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		116.630.340	135.586.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	116.630.340	135.586.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		87.435.411.083	94.446.913.966

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân.Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		61.130.673.049	68.400.356.100
310	I. Nợ ngắn hạn		61.130.673.049	68.400.356.100
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.386.107.618	15.822.126.660
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	17.709.675.160	34.192.164.392
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	557.054.837	817.068.772
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	53.954.934	65.651.380
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.310.976.742	3.158.048.733
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	35.112.903.758	14.345.296.163
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.304.738.034	26.046.557.866
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	26.304.738.034	26.046.557.866
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		21.332.710.000	21.332.710.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		21.332.710.000	21.332.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		540.483.262	540.483.262
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	19	645.813.541	441.850.691
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.423.912.917	2.423.912.917
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.361.818.314	1.307.600.996
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		50.142.953	50.142.953
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.311.675.361	1.257.458.043
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		87.435.411.083	94.446.913.966



Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Hồ Văn Nhã
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	135.335.050.160	115.802.028.443
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	233.616.364
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		135.335.050.160	115.568.412.079
11	4. Giá vốn hàng bán	22	123.138.303.516	106.860.229.671
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.196.746.644	8.708.182.408
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	111.625.025	42.396.663
22	7. Chi phí tài chính	24	2.960.644.878	1.117.411.458
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.960.644.878	1.117.410.891
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		6.000.000	6.000.000
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.769.982.329	6.250.757.701
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.571.744.462	1.376.409.912
31	12. Thu nhập khác	26	1.080.408	249.077.273
32	13. Chi phí khác	27	712.899.576	26.660.297
40	14. Lợi nhuận khác		(711.819.168)	222.416.976
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.859.925.294	1.598.826.888
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	548.249.933	341.368.845
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.311.675.361</u>	<u>1.257.458.043</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.311.675.361	1.257.458.043
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	615	589

Trần Quốc Thắng

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Hồ Văn Nhã

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.859.925.294	1.598.826.888
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		172.527.655	173.112.228
04	2. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.073.658)	(5.200.433)
05	3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(102.540.179)	(286.269.350)
06	4. Chi phí lãi vay		2.960.644.878	1.117.410.891
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.881.483.990	2.597.880.224
09	1. Tăng, giảm các khoản phải thu		29.646.434.898	(20.920.818.048)
10	2. Tăng, giảm hàng tồn kho		(16.049.529.344)	(10.159.848.652)
11	3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(28.250.580.768)	44.938.372.017
12	4. Tăng, giảm chi phí trả trước		26.523.061	(26.128.105)
14	5. Tiền lãi vay đã trả		(2.971.216.145)	(1.120.725.657)
15	6. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(361.150.452)	(81.080.497)
17	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(190.822.543)	(726.723)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.268.857.303)	15.226.924.559
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	249.077.273
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(6.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000	8.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		101.536.600	260.816.044
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		101.536.600	2.509.893.317
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		94.091.662.986	52.941.650.085
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(73.324.055.391)	(56.676.505.027)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.030.588.700)	(465.501.410)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		19.737.018.895	(4.200.356.352)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.569.698.192	13.536.461.524

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		19.661.361.535	6.006.439.342
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		205.065.559	118.460.669
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	26.436.125.286	19.661.361.535



Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Hồ Văn Nhã
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3116/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chấp thuận cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai); Quyết định 1875/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 29/06/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai, Quyết định số 1180/QĐ-CSVN ngày 19/11/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600986703 ngày 05/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/12/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 21.332.710.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.332.710.000 đồng; tương đương 2.133.271 cổ phần, mệnh giá một cổ phần: 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 37 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 42 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Thi công công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công công trình cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Tư vấn thiết kế, giám sát, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng nhà các loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2024, nhu cầu đầu tư công cho các dự án xây lắp hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tăng mạnh nên Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng thi công mới, điều này làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 19,7 tỷ VND (tương ứng tăng 17%) và giá vốn hàng bán tăng 16,28 tỷ VND (tương ứng 15,23%) so với năm 2023.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100%	100%	Xây dựng công trình
Công ty TNHH Dokracor (*)	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Xây dựng công trình
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse (**)	Nước CHDC Nhân dân Lào	100%	100%	Xây dựng công trình

(*) Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse, hiện tại Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse đang làm thủ tục giải thể.

(**) Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Dokracor, hiện tại Công ty TNHH Dokracor đã ngừng hoạt động.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả và chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây dựng trong năm, khối lượng công việc hoàn thành được xác định một cách đáng tin cậy và được Chủ đầu tư xác nhận.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.179.757.574	6.130.481.303
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.256.367.712	13.530.880.232
	26.436.125.286	19.661.361.535

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 2,9%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh chi tiết 12).

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Quỹ tín dụng Cao su Đồng Nai	29.400.000	-	29.400.000	-
	29.400.000	-	29.400.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Quỹ tín dụng Cao su Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	1,00%	1,00%	Tài chính, tín dụng

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	5.094.105.293	-	15.885.323.070	-
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	3.651.202.689	-	13.115.251.613	-
- Công ty Cổ phần Thống Nhất	-	-	2.636.563.807	-
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây	1.442.902.604	-	133.507.650	-
Bên khác	5.290.613.283	(319.875.733)	6.561.135.252	(319.875.733)
- Công ty Cổ phần LOTHAMILK	-	-	4.364.679.722	-
- Ban quản lý Dự án huyện Trảng Bom	-	-	914.799.797	-
- Ban quản lý Dự án huyện Cẩm Mỹ	-	-	460.466.000	-
- Ban quản lý Dự án huyện Long Thành	2.508.175.000	-	-	-
- Ban quản lý Dự án huyện Cẩm Mỹ	1.961.248.550	-	-	-
- Phải thu các khách hàng khác	821.189.733	(319.875.733)	821.189.733	(319.875.733)
	10.384.718.576	(319.875.733)	22.446.458.322	(319.875.733)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Cây xanh Hưng Thịnh 68	333.730.000	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Vân Khoa	330.035.000	-	-	-
- Công ty Luật Trách Nhiệm Hữu Hạn VG	200.000.000	-	140.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	100.200.047	-	71.157.199	-
	963.965.047	-	211.157.199	-

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu lãi tiền gửi	715.068	-	-	-
- Phải thu các khoản bảo hiểm	45.991.600	-	67.371.800	-
- Phải thu về tạm ứng	11.015.577.964	-	31.637.398.732	-
- Ký cược, ký quỹ	22.000.000	-	75.500.000	-
- Lợi nhuận được chia	6.221.341	-	5.932.830	-
- Phải thu khác	224.677.078	-	403.229.621	-
	11.315.183.051	-	32.189.432.983	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	98.118.270	-	190.000.000	-
- Ông Đặng Hoàng Lâm	98.118.270	-	190.000.000	-
Bên khác	11.217.064.781	-	31.999.432.983	-
- Ông Đặng Thành Chí	3.078.000.000	-	22.499.863.500	-
- Ông Phạm Duy Long	3.039.110.000	-	2.457.020.000	-
- Các đối tượng khác	5.099.954.781	-	7.042.549.483	-
	11.315.183.051	-	32.189.432.983	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đồng Trí	60.290.000	-	60.290.000	-
- UBND xã Hàng Gòn	84.540.733	-	84.540.733	-
- UBND xã Nhân Nghĩa	117.240.000	-	117.240.000	-
- DNTN Nguyễn Hương	44.000.000	-	44.000.000	-
- UBND xã Xuân Đông	13.805.000	-	13.805.000	-
	319.875.733	-	319.875.733	-

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.093.665.792	-	342.474.378	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.105.484.975	-	13.807.147.045	-
	30.199.150.767	-	14.149.621.423	-

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	-	1.672.726
Chi phí sửa chữa	-	5.189.836
Chi phí bảo hiểm, đăng kiểm xe	-	704.000
	-	7.566.562
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	72.249.466	106.642.417
Chi phí sửa chữa	-	6.828.760
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.380.874	22.115.662
	116.630.340	135.586.839

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.338.735.711	661.934.882	2.591.516.451	205.594.273	9.797.781.317
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	2.868.950	2.868.950
Số dư cuối năm	6.338.735.711	661.934.882	2.591.516.451	208.463.223	9.800.650.267
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.884.558.406	661.934.882	2.367.340.944	197.815.206	9.111.649.438
- Khấu hao trong năm	71.883.000	-	92.865.588	7.779.067	172.527.655
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	2.868.950	2.868.950
Số dư cuối năm	5.956.441.406	661.934.882	2.460.206.532	208.463.223	9.287.046.043
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	454.177.305	-	224.175.507	7.779.067	686.131.879
Tại ngày cuối năm	382.294.305	-	131.309.919	-	513.604.224

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 513.604.224 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.780.495.791 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

(2) Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 300215372/2024-HDCBLHM/NHCT680-ANRUCON ngày 23/09/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 12.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 23/09/2024 đến ngày 23/09/2025;
- Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền thu nợ tại các công trình Công ty thi công thực hiện;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.777.925.324 VND.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Cường Đạt Thịnh	-	-	2.834.422.200	2.834.422.200
- Công ty TNHH MTV Nam Khoa Thanh	-	-	1.671.851.100	1.671.851.100
- Công ty TNHH Vận Tải Hoàng Tiến Quân	-	-	3.323.118.000	3.323.118.000
- Công Ty TNHH Xây Dựng Cầu Đường Tấn Lộc	250.910.900	250.910.900	719.653.700	719.653.700
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bê tông Đồng Tiến	1.346.400.000	1.346.400.000	2.513.321.636	2.513.321.636
- Phải trả các đối tượng khác	1.788.796.718	1.788.796.718	4.759.760.024	4.759.760.024
	3.386.107.618	3.386.107.618	15.822.126.660	15.822.126.660

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Ban quản lý dự án huyện Trảng Borm	2.122.498.203	-
- Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất	15.578.776.957	25.102.771.000
- Ban Quản lý dự án huyện Long Thành	-	6.141.891.392
- Người mua trả tiền trước khác	8.400.000	2.947.502.000
	17.709.675.160	34.192.164.392

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	CLTG do chuyển đổi BCTC	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	838.616.527	460.259.649	390.221.115	2.035.201.936	-	2.035.768.824	12.431.125
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	356.809.123	548.249.933	361.150.452	715.108	-	544.623.712
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	30.368.475	30.368.475	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.217.480	-	1.346.950.799	1.206.733.319	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	-	-	12.487.521	12.487.521	-	-	-
	978.834.007	817.068.772	2.331.277.843	3.648.941.703	715.108	2.035.768.824	557.054.837

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số dư tại ngày 31/12/2024 chưa bao gồm khoản thuế phải nộp bổ sung và bị phạt trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 của Công ty con - Công ty TNHH Dokraco với số tiền 651.132,25 USD tương ứng 15.900.649.545 VND theo Biên bản ghi nhớ số 0545 ngày 09/02/2022 của Tổng cục thuế Vương quốc Campuchia. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế tại Vương quốc Campuchia và sẽ thực hiện ghi nhận khoản thuế này sau khi kết thúc quá trình làm việc.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	50.286.599	60.857.866
- Chi phí phải trả khác	3.668.335	4.793.514
	53.954.934	65.651.380

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	202.443.040	204.587.040
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.129.485	59.082.685
- Phải trả thuế lợi tức trên lợi nhuận sau thuế	1.696.740.217	1.621.635.008
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.316.664.000	1.272.744.000
	4.310.976.742	3.158.048.733
b) Chi tiết theo đối tượng		
- Ông Nguyễn Ngọc Đông	-	850.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	-	350.000.000
- Bà Lê Thị Thu Thủy	2.260.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.050.976.742	1.958.048.733
	4.310.976.742	3.158.048.733

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	21.332.710.000	540.483.262	2.423.912.917	329.026.729	477.523.876	25.103.656.784
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.257.458.043	1.257.458.043
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(426.654.200)	(426.654.200)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(726.723)	(726.723)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	112.823.962	-	112.823.962
Số dư cuối năm trước	21.332.710.000	540.483.262	2.423.912.917	441.850.691	1.307.600.996	26.046.557.866
Số dư đầu năm nay	21.332.710.000	540.483.262	2.423.912.917	441.850.691	1.307.600.996	26.046.557.866
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.311.675.361	1.311.675.361
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(1.066.635.500)	(1.066.635.500)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(190.822.543)	(190.822.543)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	203.962.850	-	203.962.850
Số dư cuối năm nay	21.332.710.000	540.483.262	2.423.912.917	645.813.541	1.361.818.314	26.304.738.034

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 91/NQ-XDCSDN ngày 25/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất	100,00	1.257.458.043
Chia cổ tức	84,82	1.066.635.500
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,18	190.822.543

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	29,00	6.186.660.000	29,00	6.186.660.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8	15,02	3.204.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	12,50	2.666.660.000	12,50	2.666.660.000
- Các cổ đông khác	43,48	9.275.390.000	58,51	12.479.390.000
	100	21.332.710.000	100	21.332.710.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	21.332.710.000	21.332.710.000
- Vốn góp cuối năm	21.332.710.000	21.332.710.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	59.082.685	97.929.895
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.066.635.500	426.654.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.066.635.500	426.654.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.030.588.700)	(465.501.410)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.030.588.700)	(465.501.410)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	95.129.485	59.082.685

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.133.271	2.133.271
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.133.271	2.133.271
- Cổ phiếu phổ thông	2.133.271	2.133.271
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.133.271	2.133.271
- Cổ phiếu phổ thông	2.133.271	2.133.271
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.423.912.917	2.423.912.917
	2.423.912.917	2.423.912.917

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	441.850.691	329.026.729
Số tăng trong năm	203.962.850	112.823.962
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	203.962.850	112.823.962
Số dư cuối năm	645.813.541	441.850.691

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng làm việc. Diện tích khu đất thuê là 59.922 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	243.290,27	243.244,12

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án huyện Tân Phú	103.951.857	103.951.857
	103.951.857	103.951.857

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	134.952.093.680	115.172.023.367
Doanh thu cung cấp dịch vụ	382.956.480	630.005.076

135.335.050.160 **115.802.028.443**

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

19.181.634.268 **36.259.428.677**

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	122.954.886.690	106.515.429.129
Giá vốn cung cấp dịch vụ	183.416.826	344.800.542
	123.138.303.516	106.860.229.671

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	96.954.179	31.606.077
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.586.000	5.586.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.188	4.153
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.073.658	5.200.433
	111.625.025	42.396.663

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.960.644.878	1.117.410.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	567
	2.960.644.878	1.117.411.458

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	476.223.230	483.664.905
Chi phí nhân viên quản lý	2.765.816.649	2.925.487.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.662.067	80.246.640
Thuế, phí, lệ phí	940.683.964	516.487.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.106.122.985	1.168.828.127
Chi phí khác bằng tiền	1.401.473.434	1.076.042.905
	6.769.982.329	6.250.757.701

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	249.077.273
Thu nhập khác	1.080.408	-
	1.080.408	249.077.273

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền thuê đất nộp bổ sung	687.883.562	-
Các khoản bị phạt hành chính	17.945.755	-
Chi phí khác	7.070.259	26.660.297
	712.899.576	26.660.297

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	429.743.706	153.299.357
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con	99.246.430	188.069.488
- Công ty TNHH Dokracó	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	99.246.430	188.069.488
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	528.990.136	341.368.845
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	19.259.797	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	356.809.123	96.084.501
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(361.150.452)	(81.080.497)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	715.108	436.274
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	544.623.712	356.809.123

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.311.675.361	1.257.458.043
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.311.675.361	1.257.458.043
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.133.271	2.133.271
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	615	589

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.259.845.473	87.398.320.848
Chi phí nhân công	22.035.078.571	19.281.221.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.527.655	173.112.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.322.082.886	16.108.092.374
Chi phí khác bằng tiền	2.423.089.190	1.628.185.089
	139.212.623.775	124.588.932.261

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	20.256.367.712	-	-	20.256.367.712
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.380.025.894	-	-	21.380.025.894
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	44.636.393.606	-	-	44.636.393.606

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	13.530.880.232	-	-	13.530.880.232
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.316.015.572	-	-	54.316.015.572
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	70.846.895.804	-	-	70.846.895.804

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	35.112.903.758	-	-	35.112.903.758
Phải trả người bán, phải trả khác	7.697.084.360	-	-	7.697.084.360
Chi phí phải trả	53.954.934	-	-	53.954.934
	42.863.943.052	-	-	42.863.943.052
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	14.345.296.163	-	-	14.345.296.163
Phải trả người bán, phải trả khác	18.980.175.393	-	-	18.980.175.393
Chi phí phải trả	65.651.380	-	-	65.651.380
	33.391.122.936	-	-	33.391.122.936

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	94.091.662.986	52.941.650.085
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	73.324.055.391	56.676.505.027

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước CHDCND Lào	Vương quốc Campuchia	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.335.050.160	-	-	135.335.050.160
Tài sản bộ phận	81.214.748.539	4.103.704	6.216.558.840	87.435.411.083

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thống Nhất	Cùng được góp vốn bởi cổ đông lớn của Công ty - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây	Cùng được góp vốn bởi cổ đông lớn của Công ty - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie	Cùng được góp vốn bởi cổ đông lớn của Công ty - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
Công ty TNHH Phát triển Cao su Krông Buk - Ratanakiri	Cùng thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Cùng thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần
Ông Hồ Văn Nhã	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Lê Cao Sơn	Cổ đông kiêm Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Văn	Cổ đông kiêm Phó Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Lâm	Cổ đông kiêm Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.181.634.268	36.259.428.677
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	10.275.180.854	32.146.165.892
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây	8.857.008.835	-
- Công ty Cổ phần Thống Nhất	49.444.579	4.113.262.785
Tạm ứng	135.864.270	341.022.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	-	55.000.000
- Ông Lê Cao Sơn	68.931.000	156.022.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	66.933.270	130.000.000
Hoàn ứng	239.096.000	497.472.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	-	276.800.000
- Ông Lê Cao Sơn	80.281.000	144.672.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	158.815.000	21.000.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	-	55.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		907.100.000	823.017.000
- Ông Nguyễn Văn Thạnh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 02/10/2024)	6.000.000	-
- Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/10/2024)	18.000.000	24.000.000
- Ông Hồ Văn Nhã	Thành viên HĐQT, Giám đốc	210.500.000	187.571.000
- Ông Nguyễn Chơn Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 02/10/2024)	18.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/10/2024)	-	18.000.000
- Ông Hoàng Trọng Phước Khánh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
- Ông Lê Cao Sơn	Thành viên HĐQT	130.200.000	129.847.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	183.100.000	156.533.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	180.700.000	150.533.000
- Ông Trần Quốc Thắng	Kế toán trưởng	142.600.000	138.533.000

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát		295.300.000	270.730.000
- Ông Nguyễn Văn Thảo	Trưởng ban kiểm soát	142.600.000	138.533.000
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
- Bà Huỳnh Trúc Nhi	Thành viên Ban kiểm soát	140.700.000	120.197.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Hồ Văn Nhã
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025